TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 03-9-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư và ông Nguyễn Đăng Đúng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực x – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực x – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Lê Ngọc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực x, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2024/TLST-DS ngày 07/10/2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS ngày 28/7/2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 14/2025/QĐST-DS ngày 13/8/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B (nay đổi tên thành Ngân hàng Thương mại cổ phần L2); Trụ sở chính: 210 T, phường H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tấn V – Giám đốc chi nhánh P theo Quyết định số 9721A/2023/QĐ-LPBank.GSKD&XLN ngày 11/7/2023, ông V uỷ quyền lại cho ông Tạ Phạm Kim S – Giám đốc Phòng G; Địa chỉ giao dịch: Đường H, khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy uỷ quyền số 17/2024/GUQ-LPB.PY ngày 01/8/2024

Ông S có mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1970; cùng trú tại: Thôn L, phường P, tỉnh Đắk Lắk.

Bà L, ông L1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP L2 có cho bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 vay: 100.000.000 đồng theo phương thức cho vay: Từng lần; Mục đích cho vay: Tiêu dùng (mua sắm đồ dùng gia dụng); lãi suất cho vay trong hạn 8,5%/năm áp dụng cố định trong

thời gian vay, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày 29/03/2022 đến ngày 28/03/2026 theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60120220229 ký ngày 28/3/2022. Về phương thức trả nợ:

+ Kỳ hạn trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 20. Chia làm 48 kỳ trả nợ, từ kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 47 mỗi kỳ trả đều 2.080.000 đồng, kỳ cuối trả 2.240.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 20/04/2022.

+ Kỳ hạn trả lãi: hàng tháng vào ngày 20. Kỳ đầu trả vào ngày 20/04/2022.

Từ ngày 20/4/2022 đến ngày 19/4/2024, bà L, ông L1 đã trả được 61.138.639 đồng tiền gốc và 16.836.985 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 20/04/2024, bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 không thực hiện đúng các cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, không trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn, hàng kỳ. Ngân hàng có nhắn tin, gọi điện để nhắc nợ khách hàng nhưng khách hàng vẫn không đóng tiền. Tính đến ngày 03/9/2025 bà L, ông L1 còn nợ Ngân hàng 53.797.431 đồng, trong đó 38.861.361 đồng tiền gốc, 12.389.041 đồng tiền lãi trong hạn, 1.695.830 đồng lãi quá hạn và 851.199 đồng lãi chậm trả lãi. Do đó, Ngân hàng TMCP B đề nghị Toà giải quyết buộc bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 phải trả số tiền tính đến ngày 03/9/2025 là 53.939.726 đồng, trong đó 38.861.361 đồng tiền gốc, 13.661.891 đồng tiền lãi trong hạn, 1.416.474 lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/9/2025 theo thoả thuận cho đến khi trả dứt điểm.

Tòa án đã triệu trập hợp lệ nhưng bà L, ông L1 vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến trình bày, yêu cầu bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 không thực hiện đúng các cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, không trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn, hàng kỳ Ngân hàng có nhắn tin, gọi điện để nhắc nợ khách hàng nhưng khách hàng vẫn không đóng tiền. Tính đến ngày 03/9/2025 bà L, ông L1 còn nợ Ngân hàng 53.797.431 đồng, trong đó 38.861.361 đồng tiền gốc, 12.389.041 đồng tiền lãi trong hạn, 1.695.830 đồng lãi quá hạn và 851.199 đồng lãi chậm trả lãi. Do đó, Ngân hàng TMCP L2 đề nghị Toà giải quyết buộc bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 phải trả số tiền tính đến ngày 03/9/2025 là 53.797.431 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60120220229 ký ngày 28/3/2022.

Tại biên bản xác minh ngày 23/12/2024 Công an xã H cung cấp: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1970 có đăng ký thường trú tại thôn L, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Hiện nay ông L1 đang có mặt tại địa phương còn bà L đi làm xa có đi có về ở địa phương.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng thời không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực x – Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 phải trả cho Ngân hàng TMCP L2 toàn bộ số tiền nợ gốc 38.861.361 đồng, 12.389.041 đồng tiền lãi trong hạn, 1.695.830 đồng lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi 851.199 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 04/9/2025 theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60120220229 ký ngày 28/3/2022 cho đến khi trả hết nợ; bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60120220229 ký ngày 28/3/2022; bị đơn đang cư trú tại thôn L, phường P, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 1 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực x – Đắk Lắk.

[1.2] Bị đơn bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (nay đổi tên thành Ngân hàng Thương mại cổ phần L2) và bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 ký kết hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60120220229 vào ngày 28/3/2022, mục đích vay: Tiêu dùng; với số tiền vay/cho vay 100.000.000 đồng đồng theo phương thức cho vay: Từng lần; Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày 29/03/2022 đến ngày 28/03/2026. Về phương thức trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 20. Chia làm 48 kỳ trả nợ, từ kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 47 mỗi kỳ trả đều 2.080.000 đồng, kỳ cuối trả 2.240.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 20/04/2022; Kỳ hạn trả lãi: hàng tháng vào ngày 20. Kỳ đầu trả vào ngày 20/04/2022, lãi suất cho vay trong hạn 8,5%/năm áp dụng cố định trong thời gian vay, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn

tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm. Xét thấy, việc thoả thuận giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lãi suất cho vay phù hợp theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn bỏ mặc, không đến Toà để trình bày cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 53.797.431 đồng, trong đó 38.861.361 đồng tiền gốc, 12.389.041 đồng tiền lãi trong hạn, 1.695.830 đồng lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi 851.199 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 04/9/2025 theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60120220229 ký ngày 28/3/2022 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 5% án phí theo định pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 429, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94, 95, 118 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (nay đổi tên thành Ngân hàng Thương mại cổ phần L2) về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với bị đơn bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1.

Buộc bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B (nay đổi tên thành Ngân hàng Thương mại cổ phần L2) số tiền 53.797.431 đồng (Năm mươi ba triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng), trong đó 38.861.361 đồng tiền gốc, 12.389.041 đồng tiền lãi trong hạn, 1.695.830 đồng lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi 851.199 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 04/9/2025 theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60120220229 ký ngày 28/3/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí:

Bị đơn bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 2.690.000 đồng (Hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (nay đổi tên thành Ngân hàng Thương mại cổ phần L2) số tiền 1.262.000đ *(Một triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003452 ngày 30/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Phòng Thi hành án khu vực x, tỉnh Đắk Lắk).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực x;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cơ